

Bản án số: 37A/2018/HS – ST
Ngày: 24-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Thuận;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Tạ Văn Minh.

2/ Ông Đỗ Đăng Khánh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:*
Ông Bùi Trọng Nghĩa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2018/TLST –HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST – HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên **PHẠM QUỐC V**, sinh năm 1987 tại tỉnh Q; Cư trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc M và bà Bùi Thị H; vợ: Võ Thị H, con: 01 người, 05 tuổi; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Phạm N, sinh năm 1970; (có mặt)

Trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Võ Thị H, sinh năm 1990; (có mặt)

Trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Q.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

*Người làm chứng:

+ Anh Cao Thanh M, sinh năm 1988; (có mặt)

+ Anh Huỳnh Duy K, sinh năm 1981; (có mặt)

+ Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố x, thị trấn C, huyện B, tỉnh Q.

+ Anh Hồ Văn Nh, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 08/12/2017, ông Cao L và bà Nguyễn Thị M, đều trú tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Q tổ chức đám cưới cho con trai là Cao Thanh M, sinh năm 1988 ở cùng thôn. Vì vậy, đêm ngày 07/12/2017 vợ chồng ông Cao L có tổ chức tiệc cúng cháo, mời một số người thân, bạn bè của gia đình đến tham dự, trong đó có Phạm Quốc V, sinh năm 1987, Nguyễn Văn D, sinh năm 1976, Huỳnh Duy Kh, sinh năm 1987, Tô Văn V, sinh năm 1969 ở cùng thôn và Phạm N, sinh năm 1970, ở thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Q.

Tại tiệc cúng cháo, những người tham dự uống bia Dung Quất (loại chai thủy tinh) và hát nhạc sống, Phạm N làm người dẫn chương trình. Sau khi uống được khoảng 03 chai bia, Phạm Quốc V nhìn thấy Phạm N cũng có mặt tại rạp đám cưới Cao Thanh M thì Phạm Quốc V nhớ lại việc bị Phạm N đánh gây thương tích năm 2012 nên nảy sinh ý định đánh lại để trả thù. Lúc này, Phạm Quốc V đi đến ngồi cùng bàn phía bên trái của Phạm N. Sau đó, Phạm Quốc V cầm vỏ chai bia Dung Quất đang có trên bàn đánh một cái vào đầu của Phạm N làm Phạm N ngã té ngã xuống đất thì được một số người có mặt tại đó can ngăn. Sau đó, Phạm Quốc V đi về nhà, Phạm N được đưa đến Trung tâm y tế huyện B sơ cứu rồi chuyển đến Bệnh viện Đa khoa Q điều trị từ ngày 07/12/2017 đến ngày 12/12/2017 thì ra viện. Sau đó tiếp tục điều trị tại Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng Đ, Bệnh viện đa khoa G.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 27 ngày 09/02/2018 và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 94 ngày 07/6/2018 của Phòng Giám định pháp y Bệnh viện đa khoa Q kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Phạm N: 01 sẹo vùng đỉnh trái: 01% (*Một phần trăm*); Di chứng yếu hai tay, tay trái nhiều hơn tay phải sau chấn thương cột sống cổ: 11% (*Mười một phần trăm*). Tổn thương trên phù hợp với vật tày gây thương tích. Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12% (*Mười hai phần trăm*).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận giám định trên.

Tại Bản cáo trạng số 34/QĐ – VKS, ngày 05/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q đã truy tố bị cáo Phạm Quốc V về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q xác định Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Phạm Quốc V về tội “*Cố ý gây thương tích*” là có căn cứ, đúng pháp luật nên giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều

51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Phạm Quốc V với mức án từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về vấn đề dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Phạm Quốc V và bị hại Phạm N, theo đó bị cáo Phạm Quốc V có trách nhiệm bồi thường cho Phạm N số tiền 56.000.000đồng ngoài số tiền 70.000.000đồng đã bồi thường trước đó.

Về vật chứng vụ án: Công cụ Phạm Quốc V dùng để đánh Phạm N là vỏ chai bia bằng thủy tinh, màu nâu, nhãn hiệu bia Dung Quất. Sau khi đánh Phạm N, chai bia không bị bể, Phạm Quốc V vứt bỏ tại hiện trường. Do không xác định được chính xác Phạm Quốc V dùng chai bia nào để đánh Phạm N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không thu giữ được.

Ý kiến của bị hại: Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về dân sự: Đã tự nguyện thỏa thuận với bị cáo tổng số tiền bồi thường là 126.000.000đồng, bị hại đã nhận 70.000.000đồng và bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường số tiền 56.000.000đồng cho bị hại.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: Bị cáo không bào chữa, tranh luận về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Quốc V đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, làm chứng, các tài liệu về hiện trường và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Giữa bị cáo Phạm Quốc V và anh Phạm N đã từng xảy ra mâu thuẫn và Phạm Quốc V nhớ lại việc bị Phạm N đánh gây thương tích năm 2012 nên nảy sinh ý định đánh lại để trả thù khi Phạm Quốc V gặp Phạm N tại tiệc cúng cháo của ông Cao L và bà Nguyễn Thị M, đều trú tại thôn L, xã Bình L, huyện Bình S, tỉnh Q. Phạm Quốc V có hành vi cầm vỏ chai bia Dung Quất đang đánh một cái vào đầu của Phạm N làm Phạm N té ngã xuống đất được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 27/2018/GĐPY, ngày 09/02/2018 và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 94/2018/GĐPY, ngày 07/6/2018 của Phòng Giám định pháp y Bệnh viện đa khoa Q kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Phạm N: 01 sẹo vùng đỉnh trái: 01% (*Một phần trăm*); Di chứng yếu hai tay, tay trái nhiều hơn tay phải sau chấn thương cột sống cổ: 11% (*Mười một phần trăm*). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12% (*Mười hai phần trăm*).

Theo hướng dẫn tại tiểu mục 2.2, mục 2, phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP, ngày 17/4/2003 và tiểu mục 3.1, mục 3 phần I Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì chai bia Dung Quất mà bị cáo V dùng để gây thương tích cho anh N là hung khí nguy hiểm thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo gây thương tích cho anh Phạm Năng 12% nên đủ cơ sở định khung hình phạt theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định hành vi phạm tội của bị cáo nhẹ hơn 01 năm (từ 02 năm đến 06 năm) nên Hội đồng xét xử cần áp dụng quy định của pháp luật có lợi cho bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 1 nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; điểm b khoản 1, điểm i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xét xử bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội do bị cáo Phạm Quốc V gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của anh Phạm N được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng xem thường pháp luật, không những xâm phạm sức khỏe của người khác (anh N) mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa bàn xã Bình L nói riêng và huyện B nói chung nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện bồi thường và đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại và tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông Ngoại là liệt sỹ nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt nhằm tạo điều kiện cho bị cáo được giáo dục cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại phiên tòa giữa bị cáo Phạm Quốc V và bị hại anh Phạm N thống nhất thỏa thuận tổng số tiền phải bồi thường cho bị hại anh Phạm N các khoản sau: Chi phí điều trị thương tích: 25.519.466đồng; Chi phí đi lại: 3.850.000đồng; Tiền thu nhập thực tế bị mất của Phạm N khi nằm viện: 23.000.000đồng; Tiền thu nhập thực tế bị mất của Phạm N sau khi ra viện (do không lao động được trong thời gian ở nhà): 31.630.534đồng; Tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc: 11.500.000đồng; Khoản tiền đền bù tổn thất tinh thần: 20 tháng lương tối thiểu là 26.000.000đồng; Tiền ăn trong thời gian điều trị: 4.500.000đồng; tổng cộng là 126.000.000đồng, trừ số tiền 70.000.000đồng đã bồi thường trước, còn lại Phạm Quốc V phải bồi thường cho anh Phạm N số tiền 56.000.000đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng thỏa thuận trên của các bên là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, theo đó: bị cáo Phạm Quốc V có trách nhiệm bồi thường, khắc phục tiếp cho anh Phạm N số tiền 56.000.000đồng (ngoài số tiền 70.000.000đồng đã bồi thường, khắc phục trước đó).

[7] *Về vật chứng vụ án*: 01 vỏ chai bia bằng thủy tinh, màu nâu, nhãn hiệu bia Dung Quất mà Phạm Quốc V dùng để đánh Phạm N, sau khi đánh Phạm N, chai bia không bị bể, Phạm Quốc V vứt bỏ tại hiện trường nên không xác định được chính xác Phạm Quốc V dùng chai bia nào để đánh Phạm N vì tại hiện trường có rất nhiều chai bia cùng chủng loại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không thu giữ được.

[8] *Xét ý kiến đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B*: Đề nghị áp dụng pháp luật, tội danh, tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên về đề nghị mức hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo là không tương xứng với tính chất và hành vi của bị cáo nên không được chấp nhận.

[9] *Về án phí*:

- Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.800.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (56.000.000đồng x 5%).

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 1 nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo **Phạm Quốc V** phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt: **Phạm Quốc V 9 (chín)** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 591, 592 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại anh Phạm N và bị cáo Phạm Quốc V. Sự thỏa thuận cụ thể như sau: Bị cáo Phạm Quốc V có trách nhiệm bồi thường cho anh Phạm N số tiền 56.000.000đồng (*Năm mươi sáu triệu đồng*), ngoài số tiền 70.000.000đồng đã bồi thường, khắc phục trước đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phạm Quốc V phải nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.800.000đồng (*Hai triệu, tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng số tiền án phí bị cáo Phạm Quốc V phải nộp là 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*).

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Đội CSĐT; Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Công an; VKS; CCTHA huyện B;
- UBND xã B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Văn Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Sơn

Bùi Tấn Ba

Trịnh Văn Thuận

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Đội CSĐT; Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Công an; VKS; CCTHA huyện B.Sơn;
- UBND xã Bình Châu;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Kiều Trung

